



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 52/2024/NĐ-CP NGÀY 15/5/2024 CỦA CHÍNH PHỦ
QUY ĐỊNH VỀ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

STT	Nội dung Nghị định 52/2024/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 52	Cơ sở đề xuất
1.	Điều 3. Giải thích từ ngữ 16. Dịch vụ ví điện tử là dịch vụ do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng cho khách hàng để nạp tiền vào ví điện tử, rút tiền ra khỏi ví điện tử và thực hiện giao dịch thanh toán.	Điều 3. Giải thích từ ngữ “16. Dịch vụ ví điện tử là dịch vụ do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng cho khách hàng để <i>nhận</i> tiền vào ví điện tử, rút tiền ra khỏi ví điện tử và thực hiện giao dịch thanh toán.”.	Thay thế cụm từ “ <i>nạp tiền vào ví điện tử</i> ” thành “ <i>nhận tiền vào ví điện tử</i> ” Lý do: - Theo quy định hiện hành, ví điện tử là phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) và được thực hiện đầy đủ các chức năng, bao gồm được sử dụng để thực hiện các giao dịch chuyển tiền, nhận tiền liên thông với tài khoản thanh toán (TKTT), thẻ ghi nợ (không nhất thiết phải là của chủ ví điện tử) và các ví điện tử khác hệ thống (không giới hạn trong cùng hệ thống của 01 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán - TGTT). - Do đó, việc thay thế cụm từ “ <i>nạp tiền vào ví điện tử</i> ” thành “ <i>nhận tiền vào ví điện tử</i> ” để đảm bảo phù hợp và thống nhất với quy định tại các văn bản pháp lý hiện hành liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT.
2.	19. Hệ thống thanh toán là hệ thống bao gồm các quy định, phương tiện, quy trình, thủ tục, cơ sở hạ tầng kỹ thuật để xử lý, chuyển mạch, bù trừ, quyết toán các giao dịch thanh toán.	“19. Hệ thống thanh toán là hệ thống bao gồm các quy định, phương tiện, quy trình, thủ tục, cơ sở hạ tầng kỹ thuật để: a) <i>Kết nối, truyền dẫn, xử lý và bù trừ các giao dịch thanh toán; và/hoặc</i> b) <i>Quyết toán các giao dịch thanh toán.</i> ”.	Sửa đổi cụm từ “ <i>xử lý, chuyển mạch, bù trừ, quyết toán các giao dịch thanh toán</i> ” thành “a) <i>Kết nối, truyền dẫn, xử lý và bù trừ các giao dịch thanh toán; và/hoặc; b) Quyết toán các giao dịch thanh toán.</i> ” để làm rõ hơn các tiêu chí xác định “hệ thống thanh toán”. Lý do: - Khái niệm hệ thống thanh toán được sửa đổi, bổ sung nhằm làm rõ hơn các tiêu chí của hệ thống thanh toán tại Nghị định 52, đảm bảo bao quát các hệ thống thanh

			toán trong thực tiễn và xử lý các vướng mắc phát sinh, trong quá trình thẩm định hồ sơ chấp thuận tham gia hệ thống thanh toán quốc tế (hệ thống TTQT) của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. - Trên thực tế, có một số hệ thống thanh toán không thực hiện quyết toán nghĩa vụ thanh toán của các thành viên mà thực hiện quyết toán thông qua tài khoản tiền gửi của thành viên mở tại NHNN hoặc ngân hàng quyết toán khác; một số hệ thống thanh toán chỉ thực hiện “quyết toán” nghĩa vụ thanh toán của các thành viên mà không thực hiện xử lý, bù trừ giao dịch thanh toán. 2. Kinh nghiệm quốc tế¹: Trên cơ sở tham khảo khái niệm “hệ thống thanh toán” của một số tổ chức quốc tế (BIS, WB), quốc gia (<i>đính kèm Phụ lục</i>), theo đó, các quốc gia (Singapore, Thái Lan, Philippines, Kenya,...) quy định hệ thống thanh toán là hệ thống giúp lưu thông tiền tệ, bao gồm các phương tiện và quy trình nghiệp vụ liên quan hệ thống đó, <i>không nhất thiết thực hiện quyết toán nghĩa vụ phát sinh giữa các thành viên hệ thống</i>.
3.	20. Hệ thống thanh toán quốc tế là hệ thống thanh toán được thành lập ở nước ngoài và cho phép thực hiện các giao dịch thanh toán quốc tế.	“20. Hệ thống thanh toán quốc tế là hệ thống thanh toán <i>do tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài vận hành để thực hiện các giao dịch thanh toán quốc tế</i> ”.	Sửa nội dung khoản 20 Điều 3 Nghị định 52 để làm rõ thêm khái niệm về “hệ thống thanh toán quốc tế”. Việc chuyển sang mô tả chủ thể vận hành (tổ chức nước ngoài) bảo đảm tính chính xác về pháp lý và phù hợp với cách định nghĩa của BIS-PFMI 2012 (hệ thống thanh toán bao gồm thành viên và đơn vị vận hành).
4.	Điều 5. Thanh toán bằng ngoại tệ và thanh toán quốc tế 3. Tổ chức nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán cho khách hàng là người không cư trú và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam để thực hiện giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam phải thực hiện thông qua ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức nước ngoài đó.	Điều 5. Thanh toán bằng ngoại tệ và thanh toán quốc tế “3. Tổ chức nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán cho khách hàng là người không cư trú và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam để thực hiện giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam (<i>sau đây gọi là tổ chức nước ngoài</i>) phải thực hiện thông qua: a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức nước ngoài đó; hoặc	Bổ sung thêm điểm b) khoản này để làm rõ các nội dung sau: Lý do: - Làm rõ việc cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52 phải được thực hiện thông qua 02 chủ thể tại Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cấp phép là: (i) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hoặc (ii) Tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế tại Việt Nam.

¹ Phụ lục kinh nghiệm quốc tế (kèm theo Hồ sơ xây dựng Nghị định)

		<i>b) Tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế tại Việt Nam đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép để thực hiện:</i> <i>b.1) Kết nối với hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức nước ngoài đó; hoặc</i> <i>b.2) Kết nối với hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính nước ngoài mà tổ chức nước ngoài đó tham gia. ”.</i>	- Theo quy định hiện hành, thanh toán quốc tế (TTQT) phải tuân theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối hoặc các thỏa thuận quốc tế về thanh toán mà Việt Nam có tham gia. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của công nghệ, phát sinh nhu cầu đẩy mạnh hợp tác các mô hình dịch vụ thanh toán xuyên biên giới giữa ngân hàng được phép hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ TGTG hỗ trợ kết nối cho ngân hàng với các tổ chức TQT, đòi hỏi cơ sở pháp lý cần được hoàn thiện và bổ sung để đáp ứng nhu cầu thực tiễn và nâng cao hiệu lực quản lý của cơ quan nhà nước. Để thúc đẩy thanh toán giữa các quốc gia trong khu vực, NHNN Việt Nam đã hợp tác với nhiều NHTW, cơ quan quản lý các nước triển khai kết nối thanh toán bán lẻ song phương qua mã QR, trong đó các dự án hợp tác với Thái Lan, Campuchia, Lào, Trung Quốc, Hàn Quốc đã cung ứng dịch vụ tới khách hàng, dự án hợp tác với Nhật Bản, Singapore, Ấn Độ đang trong quá trình triển khai. Các dự án hợp tác trên hiện được thực hiện thông qua công ty chuyển mạch tài chính tại Việt Nam được cấp giấy phép hoạt động chuyển mạch tài chính quốc tế; đồng thời, ngân hàng quyết toán tham gia dự án phía Việt Nam cũng cần phải được cấp phép kết nối với hệ thống thanh toán quốc tế nước ngoài tương ứng. Do đó, cả công ty chuyển mạch tài chính tại Việt Nam và ngân hàng quyết toán phía Việt Nam đều phải gửi hồ sơ cấp phép tham gia hệ thống thanh toán quốc tế đến NHNN, làm phát sinh nhiều hồ sơ, thủ tục cho các tổ chức tham gia dự án, cũng như tốn kém nhiều nguồn lực xử lý các thủ tục hành chính tương ứng tại NHNN. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trên và tạo thuận lợi cho các tổ chức triển khai hoạt động thanh toán quốc tế, quán triệt chủ trương cắt giảm các TTHC song vẫn bao quát đầy đủ được các mô hình hợp tác thanh toán quốc tế.
5.	Điều 6. Ví điện tử, thẻ trả trước 3. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng dịch vụ ví điện tử phải đảm bảo duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm	Điều 6. Ví điện tử, thẻ trả trước “3. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng dịch vụ ví điện tử phải đảm bảo duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện	Sửa đổi quy định “<i>chỉ cho phép sử dụng dịch vụ đối với các ví điện tử có liên kết với tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ của chính khách hàng</i>” thành “<i>việc liên kết ví điện tử với tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ của chính</i>

	bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thấp hơn tổng số dư tất cả các ví điện tử đã phát hành cho khách hàng; chỉ cho phép sử dụng dịch vụ đối với các ví điện tử có liên kết với tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ của chính khách hàng.	từ mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thấp hơn tổng số dư tất cả các ví điện tử đã phát hành cho khách hàng; <i>việc liên kết ví điện tử với tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ của chính khách hàng tại ngân hàng liên kết thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</i>	<i>khách hàng tại ngân hàng liên kết thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</i> Lý do: Hiện nay các quy trình, nghiệp vụ kỹ thuật chi tiết hướng dẫn dịch vụ ví điện tử đang được thực hiện theo Thông tư của NHNN hướng dẫn về dịch vụ TGT. Do đó, để đảm bảo đồng bộ, thống nhất và tạo sự chủ động cho NHNN trong quá trình xây dựng, nghiên cứu chính sách, đề xuất hướng dẫn chi tiết việc liên kết ví điện tử với tài khoản thanh toán/thẻ ghi nợ của chính khách hàng tại Thông tư hướng dẫn của NHNN. NHNN sẽ tiếp tục nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, thực tiễn quản lý để có đề xuất phù hợp trình Lãnh đạo NHNN.
6.	Điều 8. Các hành vi bị cấm 6. Phát hành, cung ứng và sử dụng các phương tiện thanh toán không hợp pháp.	Điều 8. Các hành vi bị cấm “6. Phát hành, cung ứng, sử dụng và <i>chấp nhận</i> các phương tiện thanh toán không hợp pháp.”	Bổ sung cụm từ “<i>chấp nhận</i>” Lý do: Để bao quát đầy đủ các hành vi vi phạm về hoạt động TTKDTM phát sinh trong thực tế và phù hợp với quy định tại dự thảo Bộ luật Hình sự
7.	Điều 12. Đóng tài khoản thanh toán 1. Việc đóng tài khoản thanh toán được thực hiện khi: a) Chủ tài khoản thanh toán có yêu cầu và đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến tài khoản thanh toán; b) Chủ tài khoản thanh toán là cá nhân bị chết, bị tuyên bố đã chết; c) Tổ chức có tài khoản thanh toán chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật; d) Chủ tài khoản thanh toán vi phạm hành vi bị cấm về tài khoản thanh toán quy định tại khoản 5, khoản 8 Điều 8 Nghị định này; đ) Các trường hợp theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản thanh toán với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Điều 12. Đóng tài khoản thanh toán 1. Việc đóng tài khoản thanh toán được thực hiện khi: ... “đ) Các trường hợp theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản thanh toán với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. <i>Trường hợp không có thỏa thuận trước, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được đóng tài khoản thanh toán của khách hàng khi tài khoản thanh toán không phát sinh giao dịch từ 03 năm trở lên và tài khoản thanh toán của khách hàng thuộc một trong các trường hợp sau: (i) các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của khách hàng đã hết hiệu lực và thời hạn sử dụng; hoặc (ii) khách hàng chưa hoàn thành việc đối chiếu thông tin sinh trắc học;</i>” ...	Bổ sung quy định về xử lý các trường hợp tài khoản thanh toán “rác”, tài khoản không hoạt động trong thời gian dài (TKTT) khi không có thỏa thuận trước với khách hàng. Lý do: 1. Thực tiễn phát sinh các trường hợp TKTT “rác”, “không hoạt động” trong thời gian dài, đòi hỏi phải có hành lang pháp lý để xử lý: (i) TKTT hợp pháp nhưng khách hàng bỏ quên, không phát sinh giao dịch trong thời gian dài hoặc không còn nhu cầu sử dụng (tài khoản ngủ đông); (ii) TKTT nặc danh, mạo danh do các đối tượng tội phạm sử dụng giấy tờ cũ của khách hàng để mở TKTT hoặc sử dụng giấy tờ giả để mở TKTT. 2. Quy định pháp luật hiện hành về xử lý tài khoản “rác”, tài khoản “không hoạt động” trong thời gian dài: Việc đóng tài khoản thanh toán (TKTT) và xử lý số dư trên TKTT, bao gồm tài khoản “rác”, tài khoản “không hoạt động” trong thời gian dài được quy định tại Nghị định 52/2024/NĐ-CP (điểm đ khoản 1 Điều 12), Thông tư 17/2024/TT-NHNN (điểm h khoản 1 Điều 13) theo hướng TCTD được thỏa thuận với khách hàng tại Thỏa
8.	2. Xử lý số dư khi đóng tài khoản thanh toán: c) Xử lý theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người thụ hưởng hợp pháp số dư trên	2. Xử lý số dư khi đóng tài khoản thanh toán: “c) <i>Đối với số dư còn lại sau khi đóng tài khoản thanh toán mà người thụ hưởng hợp pháp đã được thông báo nhưng</i>	

	tài khoản thanh toán đã được thông báo mà không đến nhận.	<i>không đến nhận, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo dõi để trả lại khi người thụ hưởng hợp pháp có yêu cầu hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.”.</i>	thuận mở, sử dụng TKTT. Tuy nhiên, đối với trường hợp không thỏa thuận được với chủ TKTT (TKTT mở trước thời điểm Nghị định 52/2024/NĐ-CP và Thông tư 17/2024/TT-NHNN có hiệu lực) thì chưa có cơ chế để xử lý. Trên cơ sở ý kiến của các TCTD và tham khảo kinh nghiệm của một số nước, tại Dự thảo Nghị định bổ sung quy định này, nhằm bổ sung cơ chế cho phép TCTD đóng các TKTT không hoạt động trong thời gian dài mà chưa có thỏa thuận trước với khách hàng, góp phần hạn chế rủi ro gian lận, lừa đảo qua các TKTT này. 3. Kinh nghiệm quốc tế - Các nước thường giao quyền cho các TCTD thỏa thuận với khách hàng về việc xử lý TKTT trong trường hợp không phát sinh giao dịch trong thời gian dài đối với các trường hợp TKTT “ngủ đông” hay các tài khoản hợp pháp nhưng trong thời gian dài không phát sinh giao dịch do khách hàng thực hiện. - Quy định thời gian 3 năm trở lên được dựa trên việc tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia có quy định cụ thể về thời gian được xem là “ngủ đông” như: (i) Hoa Kỳ quy định TKTT không hoạt động từ 3-5 năm; Số dư tài khoản được chuyển giao cho Chính quyền tiểu bang quản lý và lưu giữ như tài sản vô chủ. Khách hàng có thể yêu cầu lấy lại số tiền thông qua cơ quan quản lý tài sản vô chủ của tiểu bang; (ii) Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) quy định tài khoản từ 3 năm không phát sinh giao dịch chủ động hay liên lạc từ khách hàng, bị đưa vào danh sách “tài khoản ngủ đông” (Dormant) và được quản lý, theo dõi riêng trong “Sổ cái tài khoản ngủ đông” (Dormant Accounts Ledger). Sau 5 năm “ngủ đông”, ngân hàng sẽ xem xét đóng tài khoản. Toàn bộ số dư chưa có người nhận sẽ được chuyển về Ngân hàng Trung ương UAE. Khách hàng làm thủ tục chứng minh danh tính với Ngân hàng Trung ương để nhận lại tiền.
9.	Điều 14. Hồ sơ và trình tự thủ tục mở, đóng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước 1. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ:	Điều 14. Hồ sơ và trình tự thủ tục mở, đóng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước 1. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ:	Sửa quy định về hợp pháp hóa lãnh sự, công chứng, chứng thực. Lý do:

	a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Nếu giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; 	<i>“a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Nếu giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật;”.</i> 	Đề phù hợp với quy định về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự. Từ 1/7/2025, Luật công chứng năm 2024 không còn quy định về thực hiện công chứng bản dịch mà thay vào đó thực hiện thủ tục chứng thực chữ ký người dịch.
10.	1. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ: c) Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước nơi tổ chức đề nghị mở tài khoản thanh toán hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia;	1. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ: <i>“c) Hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước nơi tổ chức đề nghị mở tài khoản thanh toán hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia;”.</i>	Sửa đổi cách thức gửi hồ sơ thực hiện TTHC Lý do: Đề phù hợp với quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.
11.		3. Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1 như sau: <i>“đ) Khi các loại giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ quy định tại Nghị định này đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.”.</i>	Bổ sung quy định về việc khai thác thông tin trên các cơ sở dữ liệu. Lý do: Quy định rõ về nguyên tắc, trách nhiệm, phối hợp trong khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Nghị quyết 66.7/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu
12.	2. Hồ sơ mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, bao gồm: a) Đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán kèm bản đăng ký mẫu dấu, mẫu chữ ký theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở tài khoản thanh toán ký tên, đóng dấu; b) Các tài liệu chứng minh tổ chức mở tài khoản thanh toán được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc giấy tờ có giá trị tương đương;	<i>“2. Hồ sơ mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, bao gồm:</i> <i>a) Đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán kèm bản đăng ký mẫu dấu, mẫu chữ ký theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này;</i> <i>b) Các tài liệu chứng minh tổ chức mở tài khoản thanh toán được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương.</i> <i>c) Các tài liệu chứng minh tư cách đại diện của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở tài khoản thanh toán và thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người đó;</i>	1. Tại điểm a, bỏ nội dung <i>“do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở tài khoản thanh toán ký tên, đóng dấu”;</i> Lý do: Lược bỏ để đồng bộ với mẫu đơn tại Dự thảo. 2. Tại điểm b, thay thế <i>“quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã”</i> thành <i>“Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập”;</i> đồng thời bổ sung quy định về việc Cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu. Lý do: Quy định này nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và thúc đẩy chuyển đổi số trong cải cách hành chính, nhằm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo chỉ đạo của

	c) Các tài liệu chứng minh tư cách đại diện của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở tài khoản thanh toán và thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người đó; d) Văn bản hoặc quyết định bổ nhiệm và thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước của tổ chức mở tài khoản thanh toán.	d) Văn bản hoặc quyết định bổ nhiệm và thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc hộ chiếu còn thời hạn của kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước của tổ chức mở tài khoản thanh toán; đ) Đối với các thành phần hồ sơ nêu tại điểm b, c, d khoản này, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức mở tài khoản bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính;”.	Chính phủ tại Nghị quyết 24/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 và thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định 2070/QĐ-TTg ngày 16/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ. 3. Lược bỏ cụm từ “hoặc chứng minh nhân dân” tại điểm c và điểm d. Lý do: Theo Luật Căn cước năm 2023, từ ngày 01/01/2025 CMND hết hiệu lực sử dụng. 4. Bổ sung thêm điểm đ) về việc Cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu. Lý do: Quy định này nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và thúc đẩy chuyển đổi số trong cải cách hành chính, nhằm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết 66.7/2025/NĐ-CP
13.	3. Trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán: a) Khi có nhu cầu mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, tổ chức đề nghị mở tài khoản thanh toán gửi 01 bộ hồ sơ mở tài khoản thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) nơi đề nghị mở tài khoản thanh toán;	3. Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố” thành “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” tại điểm a khoản 3.	Sửa đổi tên chi nhánh NHNN để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và tên của đơn vị tại Quyết định thành lập.
14.	Điều 19. Điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ thanh	“Điều 19. Điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng:	Thay thế cụm từ “đảm bảo an toàn” thành “bảo đảm an ninh mạng”; đồng thời bổ sung thêm cụm từ “và yêu cầu về bảo đảm hoạt động liên tục”. Lý do: Để phù hợp với yêu cầu về cung cấp hồ sơ liên quan và phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời cập nhật thuật ngữ “an ninh mạng” theo Luật An ninh mạng 2025.

	toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng: 1. Có hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đáp ứng yêu cầu <i>đảm bảo an toàn</i> hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật.	1. Có hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đáp ứng yêu cầu về <i>bảo đảm an ninh mạng</i> hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật và yêu cầu về <i>bảo đảm hoạt động liên tục</i>.	
15.	2. Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), <i>Người phụ trách cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích</i> phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin. <i>Các cán bộ chủ chốt thực hiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng (gồm Trưởng phòng (ban) hoặc tương đương và các cán bộ kỹ thuật) có bằng cao đẳng trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin hoặc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm.</i>	2. Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành <i>tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin, kế toán, kiểm toán, bưu chính, viễn thông hoặc có ít nhất 05 năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán, công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông; không thuộc những đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.</i>	Sửa đổi và bổ sung thêm cụm từ “<i>tài chính, ngân hàng</i>”, “<i>kế toán, kiểm toán, bưu chính, viễn thông</i>” và bổ sung quy định “<i>hoặc có ít nhất 05 năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán, công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông; không thuộc những đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.</i>” Lý do: Sửa đổi để thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, để tuân thủ, chi phí thấp; Thực hiện cắt giảm thời gian xử lý TTHC, chi phí tuân thủ pháp luật, điều kiện kinh doanh... và phù hợp với nội dung tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026².
16.	3. Có quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với từng loại dịch vụ; có biện pháp đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì số dư tài khoản thanh toán của đơn vị mình tại ngân hàng và tiền mặt lớn hơn số tiền phải trả cho khách hàng tại thời điểm chi trả; quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ; cơ chế quản lý rủi ro; các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; quy trình và <i>thủ tục</i> giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu	3. Có quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với từng loại dịch vụ; có biện pháp đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì số dư tài khoản thanh toán của đơn vị mình tại ngân hàng và tiền mặt lớn hơn số tiền phải trả cho khách hàng tại thời điểm chi trả; quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ; cơ chế quản lý rủi ro; quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; quy trình giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp; quy định quyền và trách nhiệm của các bên có liên quan.	Lược bỏ cụm từ “<i>thủ tục</i>” Lý do: Chính sửa câu chữ để nội dung quy định rõ ràng và đơn giản hơn.

² Nghị quyết của Chính phủ ngày 29/04/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng

	nại, tranh chấp; quy định quyền và trách nhiệm của các bên có liên quan.		
17.	4. Có phương án thu gom, vận chuyển tiền mặt đảm bảo cuối ngày nộp vào tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng, đảm bảo an ninh, an toàn đối với việc luân chuyển tiền mặt; trang bị các thiết bị đảm bảo việc giao nhận, bảo quản tiền mặt, quy định hạn mức chuyển tiền, nhận tiền, mức tồn quỹ tại các điểm cung cấp dịch vụ; <i>đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.</i>	4. Có phương án thu gom, vận chuyển tiền mặt đảm bảo cuối ngày nộp vào tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng, đảm bảo an ninh, an toàn đối với việc luân chuyển tiền mặt; trang bị các thiết bị đảm bảo việc giao nhận, bảo quản tiền mặt, quy định hạn mức chuyển tiền, nhận tiền, mức tồn quỹ tại các điểm cung cấp dịch vụ.”.	Lược bỏ đoạn “ <i>đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật</i> ”. Lý do: Để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định 2070/QĐ-TTg ngày 16/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
18.	Điều 20. Hồ sơ, quy trình, thủ tục chấp thuận bằng văn bản, thu hồi văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích 1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng gồm: đ) Hồ sơ về nhân sự: Sơ yếu lý lịch, bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của những người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách và các cán bộ chủ chốt thực hiện cung ứng dịch vụ này;	Điều 20. Hồ sơ, quy trình, thủ tục chấp thuận bằng văn bản, thu hồi văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích 1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng gồm: “đ) Hồ sơ về nhân sự: Sơ yếu lý lịch, bản sao các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhận chức vụ hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc). Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ để thay thế thành phần hồ sơ văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính;	1. Bỏ quy định điều kiện về hồ sơ nhân sự của “ <i>Người phụ trách và các cán bộ chủ chốt</i> ” Lý do: Sửa đổi để thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp; Thực hiện cắt giảm thời gian xử lý TTHC, chi phí tuân thủ pháp luật, điều kiện kinh doanh... và phù hợp với nội dung tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026. 2. Bổ sung quy định về việc Cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các Cơ sở dữ liệu, đồng thời quy định cách thức yêu cầu cung cấp hồ sơ khi không khai thác được đầy đủ, chính xác. Lý do: Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và thúc đẩy chuyển đổi số trong cải cách hành chính, nhằm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết 66.7/2025/NĐ-CP.

		<i>Khi thông tin lý lịch tư pháp của công dân Việt Nam, người nước ngoài đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thì Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, trường hợp không khai thác được, Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để giải quyết thủ tục hành chính.</i>	
19.	1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng gồm: đ) Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, Điều lệ công ty (bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu).	1. Sửa đổi, bổ sung điểm d và điểm đ khoản 1 như sau: đ) <i>Bản sao các tài liệu chứng minh doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, Điều lệ công ty (bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử).</i> <i>Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành để thay thế thành phần hồ sơ giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu doanh nghiệp bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.”.</i>	Bổ sung quy định về việc Cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu. Lý do: Quy định này nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và thúc đẩy chuyển đổi số trong cải cách hành chính, nhằm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết 24/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; và thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định 2070/QĐ-TTg ngày 16/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
20.	2. Quy trình, thủ tục chấp thuận: a) Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định tại khoản 1 Điều này qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ	2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: “2. Quy trình, thủ tục chấp thuận: a) Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích gửi 01 bộ hồ sơ và 03 USB lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định tại khoản 1 Điều này qua <i>dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá</i>	1. Sửa quy định “03 bộ hồ sơ” thành “01 bộ hồ sơ và 03 USB lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ” Lý do: Để giảm tải khối lượng hồ sơ tổ chức phải nộp, nhằm mục tiêu đơn giản hóa TTHC. 2. Sửa đổi cách thức nộp hồ sơ và bỏ thông tin “Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước”

công Ngân hàng Nhà nước hoặc Công dịch vụ công quốc gia (hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử). Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đề nghị phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp.

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ trên cơ sở các điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đề nghị xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ hoặc không đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp này yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

c) Trong thời hạn **60 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ. *Nếu quá 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nhưng doanh nghiệp đề nghị không gửi bổ sung hồ sơ hoặc sau 02 lần gửi mà hồ sơ vẫn không đáp ứng điều kiện thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản từ chối chấp thuận và trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.*

Trong thời hạn **60 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, chấp thuận bằng văn bản theo quy định. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do.

nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi trực tuyến tại Công dịch vụ công quốc gia (hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử). Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đề nghị phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp.

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ trên cơ sở các điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đề nghị xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ hoặc không đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp này yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

c) Trong thời hạn **40 ngày** kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại hồ sơ (trừ trường hợp có lý do xác đáng) thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

Trong thời hạn **40 ngày** kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, chấp thuận bằng văn bản theo quy định. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời từ chối và trả hồ sơ cho tổ chức, trong đó nêu rõ lý do.”.

Lý do:

Phù hợp với quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.

3. Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC tại điểm c “60 ngày làm việc” thành “40 ngày”;

Lý do:

- Nhằm rút ngắn thời gian thực hiện TTHC Nghị quyết 24/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 và thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định 2070/QĐ-TTg ngày 16/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Sử dụng quy định “ngày” thay cho “ngày làm việc” theo quy định tại Khoản 3g Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm c

Lý do:

- Để thống nhất với quy định trong quy trình giải quyết TTHC cấp phép dịch vụ trung gian thanh toán tại dự thảo Nghị định này, tạo điều kiện cho tổ chức gửi bổ sung hồ sơ mà không bị giới hạn bởi số lần gửi (Theo Nghị định 52 tổ chức chỉ được gửi bổ sung hồ sơ 02 lần)

- Chính sửa câu chữ, bổ sung cụm từ “từ chối và trả hồ sơ cho tổ chức” để nội dung quy trình rõ ràng hơn và thống nhất với quy định trong quy trình giải quyết TTHC cấp phép dịch vụ trung gian thanh toán.

21.	3. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận là 10 năm tính từ ngày ký văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp gia hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, trong thời hạn tối thiểu 60 ngày trước khi văn bản chấp thuận hết thời hạn, doanh nghiệp đề nghị gửi <i>03 bộ hồ sơ</i> đề nghị chấp thuận gia hạn văn bản gồm: đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này; báo cáo tình hình thực hiện hoạt động theo văn bản chấp thuận kể từ ngày được chấp thuận đến ngày nộp đơn đề nghị và <i>bản sao văn bản chấp thuận đang có hiệu lực</i> tới Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn <i>30 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn văn bản chấp thuận của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét và gia hạn văn bản hoặc có văn bản thông báo từ chối trong đó nêu rõ lý do. Thời hạn gia hạn văn bản chấp thuận là 10 năm tính từ ngày doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước gia hạn văn bản.	3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: “3. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận là 10 năm tính từ ngày ký văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp gia hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, trong thời hạn tối thiểu 60 ngày trước khi văn bản chấp thuận hết thời hạn, doanh nghiệp đề nghị gửi <i>01 bộ hồ sơ và 03 USB lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ</i> đề nghị chấp thuận gia hạn văn bản gồm: đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này; báo cáo tình hình thực hiện hoạt động theo văn bản chấp thuận kể từ ngày được chấp thuận đến ngày nộp đơn đề nghị tới Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn <i>20 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn văn bản chấp thuận của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét và gia hạn văn bản hoặc có văn bản thông báo từ chối trong đó nêu rõ lý do. Thời hạn gia hạn văn bản chấp thuận là 10 năm tính từ ngày doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước gia hạn văn bản.”.	1. Sửa “<i>03 bộ hồ sơ</i>” thành “<i>01 bộ hồ sơ và 03 USB lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ</i>”. Đồng thời, bỏ yêu cầu doanh nghiệp nộp “<i>bản sao văn bản chấp thuận đang có hiệu lực</i>”. Lý do: Để giảm tải khối lượng hồ sơ mà doanh nghiệp phải nộp, để đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết 24/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 và thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định 2070/QĐ-TTg ngày 16/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ. 2. Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC “<i>30 ngày làm việc</i>” thành “<i>20 ngày làm việc</i>”; Lý do: Nhằm rút ngắn thời gian thực hiện TTHC theo Nghị quyết 24/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 và thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định 2070/QĐ-TTg ngày 16/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
22.	Điều 21. Điều kiện tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài 3. Có hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu về <i>quản trị điều hành, an toàn, bảo mật theo quy định pháp luật của Việt Nam; có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống thanh toán quốc tế</i>	Điều 21. Điều kiện tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài “3. Có hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu về <i>bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo quy định pháp luật của Việt Nam, có hồ sơ, tài liệu chứng minh việc bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; Có tài liệu mô tả cụ thể về hệ thống thanh toán quốc tế.</i>”.	1. Sửa đổi, bổ sung quy định “<i>bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo quy định pháp luật của Việt Nam, có hồ sơ, tài liệu chứng minh việc bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; Có tài liệu mô tả cụ thể về hệ thống thanh toán quốc tế.</i>”. Lý do: - Để phù hợp với yêu cầu về cung cấp hồ sơ liên quan và phù hợp với thực tế hoạt động cấp giấy phép. Đồng

			thời cập nhật thuật ngữ “an ninh mạng” theo Luật An ninh mạng 2025. - Bổ sung “<i>Có tài liệu mô tả cụ thể về hệ thống thanh toán quốc tế</i>” để có căn cứ đánh giá hệ thống NHTM, chi nhánh NHNNg tham gia kết nối có phải là hệ thống thanh toán quốc tế và thuộc đối tượng phải xin cấp phép của NHNN hay không trên cơ sở sửa đổi khái niệm “<i>hệ thống thanh toán</i>” tại Dự thảo Nghị định.
23.	Điều 22. Các dịch vụ trung gian thanh toán và điều kiện cung ứng dịch vụ 2. Điều kiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: Tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cụ thể như sau: a) Có giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và <i>không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán</i>; trường hợp cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, tổ chức phải đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;	Điều 22. Các dịch vụ trung gian thanh toán và điều kiện cung ứng dịch vụ “2. Điều kiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: Tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cụ thể như sau: a) Có giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;	- Sửa đổi, bổ sung điểm a) về mặt trình bày, đảm bảo logic, phù hợp với thực tiễn triển khai, đảm bảo phù hợp với phương án đơn giản hóa điều kiện kinh doanh đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng (Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP). - Đối với điều kiện liên quan đến việc cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử được rà soát, chỉnh sửa và gộp chung vào quy định sửa đổi điểm g khoản 2 Điều 22 Nghị định 52 quy định điều kiện cung ứng dịch vụ TGTĐ đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính và dịch vụ bù trừ điện tử, để đảm bảo logic.
24.	b) <i>Có vốn điều lệ thực góp hoặc được cấp tối thiểu: 50 tỷ đồng đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử; 300 tỷ đồng đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn đã góp hoặc vốn được cấp</i>;	b) <i>Có vốn điều lệ tối thiểu: 50 tỷ đồng đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử; 300 tỷ đồng đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử</i>;	1. Chỉnh sửa cụm từ “<i>Có vốn điều lệ thực góp hoặc được cấp</i>” thành “<i>có vốn điều lệ</i>” Lý do: Để phù hợp với thực ngữ sử dụng tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung), theo đó, chỉ có các quy định/định nghĩa về “vốn điều lệ”, không có khái niệm “vốn điều lệ thực góp”. 2. Lược bỏ quy định, điều kiện về “<i>chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn đã góp hoặc vốn được cấp</i>”;

			Lý do: - Để đảm bảo phù hợp với phương án đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP. - Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung), vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần (khoản 34 Điều 4). Luật Doanh nghiệp năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung) đã quy định cụ thể về thời hạn thành viên, chủ sở hữu công ty phải góp vốn đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH) hoặc các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua (đối với công ty cổ phần) hoặc góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết (đối với công ty hợp danh).
25.	c) Có Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này;		Lược bỏ quy định “c) Có Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này; Lý do: - Nhằm đơn giản hóa, cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT, phù hợp với phương án đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP - Sửa đổi phù hợp theo thực tế xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, đảm bảo tách bạch giữa điều kiện tổ chức phải duy trì trong suốt quá trình hoạt động và điều kiện/thủ tục phải đáp ứng khi nộp Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép (thực tế Đề án chỉ phục vụ khi tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến NHNN, không phải điều kiện yêu cầu tổ chức phải duy trì trong suốt quá trình hoạt động).
26.	d) Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức phải có bằng đại học trở lên về một trong	c) Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng,	1. Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đối với Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT như sau: (i) Thay thế từ

các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật; <i>phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam (Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền).</i> <i>Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (gồm Trưởng phòng (ban) hoặc tương đương và các cán bộ kỹ thuật) có bằng cao đẳng trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin hoặc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm;</i>	kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin, <i>điện tử và viễn thông, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán, tiền di động, công nghệ thông tin;</i> không thuộc những đối tượng bị cấm <i>đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã</i> theo quy định của pháp luật;	“và” thành “hoặc” (theo đó không yêu cầu người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải đồng thời có cả bằng cấp và kinh nghiệm công tác); (ii) Mở rộng bằng đại học của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong một số ngành; (iii) Mở rộng kinh nghiệm của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong một số lĩnh vực. Lý do: Để cắt giảm điều kiện kinh doanh theo chủ chương của các cấp có thẩm quyền, tạo điều kiện cho tổ chức trong quá trình cung ứng dịch vụ TGTT được chủ động lựa chọn, sắp xếp người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu công việc của tổ chức (thực tiễn cho thấy có trường hợp người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT có kinh nghiệm làm việc chuyên môn nhiều năm, đáp ứng nhu cầu công việc, nhưng có thể không có bằng cấp phù hợp). 2. Sửa lại câu từ “<i>không thuộc những đối tượng bị cấm</i>” thành “<i>không thuộc những đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã</i>”, Lý do: Để đảm bảo phù hợp với các từ ngữ sử dụng tại Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 (đã được sửa đổi, bổ sung)³. 3. Lược bỏ điều kiện thay bằng việc tổ chức cam kết thực hiện và chuyển xuống Mẫu số 07 nội dung “<i>phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam (Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền)</i>”. Lý do: Đây là quy định mà tổ chức đã phải tuân thủ theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020
--	--	---

³ Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 ngày 17/6/2009 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp số 107/2025/QH15 ngày 05/12/2025).

			(đã được sửa đổi, bổ sung), do đó không cần thiết phải quy định lập lại tại Nghị định số 52. Việc lược bỏ điều kiện này cũng là phù hợp, thống nhất với phương án đơn giản hóa TTHC đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP. 4. Lược bỏ điều kiện “<i>Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (gồm Trưởng phòng (ban) hoặc tương đương và các cán bộ kỹ thuật) có bằng cao đẳng trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin hoặc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm</i>”. Lý do: - Để cắt giảm điều kiện kinh doanh theo chủ chương của các cấp có thẩm quyền, tạo điều kiện cho tổ chức trong quá trình cung ứng dịch vụ TGTT (được chủ động lựa chọn, sắp xếp nhân sự có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, bằng cấp phù hợp với các vị trí chuyên môn được giao), phù hợp với thực tiễn của các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT (thực tiễn cho thấy có trường hợp nhân sự chủ chốt của tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT có kinh nghiệm làm việc chuyên môn nhiều năm, đáp ứng nhu cầu công việc, nhưng có thể không có bằng cấp phù hợp). - Việc lược bỏ điều kiện này cũng là phù hợp, thống nhất với phương án đơn giản hóa TTHC đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP.
27.	đ) Có <i>Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật</i> phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để <i>ngợi cấp Giấy phép được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt</i> đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật;	đ) Có <i>hệ thống thông tin</i> phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đáp ứng yêu cầu về bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật và yêu cầu về bảo đảm hoạt động liên tục;	Sửa đổi “<i>Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật</i>” thành “<i>Có hệ thống thông tin</i>”; bỏ đoạn “<i>để nghị cấp Giấy phép được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt</i>”; chỉnh sửa, bổ sung một số từ ngữ, phù hợp với thực tiễn triển khai. Lý do: - Để phù hợp với thực tế xử lý hồ sơ xin cấp Giấy phép và đảm bảo tách bạch giữa điều kiện tổ chức phải duy trì trong suốt quá trình hoạt động và điều kiện/thủ tục phải đáp ứng khi nộp Hồ sơ để nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT (Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật chỉ phục vụ khi tổ chức gửi hồ sơ để nghị

			cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGT, không phải điều kiện yêu cầu tổ chức phải duy trì trong suốt quá trình hoạt động).
28.	e) Đối với dịch vụ ví điện tử và dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ cho các khách hàng có tài khoản tại nhiều ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ phải được một tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính và dịch vụ bù trừ điện tử được Ngân hàng Nhà nước cấp phép để thực hiện chuyển mạch giao dịch tài chính và xử lý bù trừ các nghĩa vụ phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức;	đ) Đối với dịch vụ ví điện tử và dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ cho các khách hàng có tài khoản tại nhiều ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, tổ chức cung ứng dịch vụ phải được một tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính và dịch vụ bù trừ điện tử được Ngân hàng Nhà nước cấp phép để thực hiện chuyển mạch giao dịch tài chính và xử lý bù trừ các nghĩa vụ phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức;	Tại điểm đ) chỉnh sửa thứ tự điểm và bổ sung cụm từ “Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều này,” Lý do: Chỉnh sửa để đảm bảo rõ nghĩa và phù hợp với các điểm sửa đổi tại dự thảo Nghị định
29.	g) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều này, tổ chức cung ứng dịch vụ phải: được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; có thỏa thuận kết nối với ít nhất 50 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tổng vốn điều lệ trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ để nghị cấp Giấy phép chiếm trên 65% tổng vốn điều lệ của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống các tổ chức tín dụng và ít nhất 20 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; có cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng tối thiểu theo yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 theo quy định của pháp luật, đảm bảo khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống kỹ thuật của tổ chức tham gia có thỏa thuận kết nối; có hệ thống máy chủ thực hiện theo quy định pháp luật và đáp ứng năng lực xử lý tối thiểu 10 triệu giao dịch thanh toán/ngày; <i>Tổ chức tham gia không được kết nối quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử;</i>	e) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này, tổ chức cung ứng dịch vụ phải: Không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; Được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; Có Hợp đồng/thỏa thuận kết nối với ít nhất 50 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (có tổng vốn điều lệ trong năm liền kề trước đó chiếm trên 65% tổng vốn điều lệ của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống các tổ chức tín dụng) và ít nhất 20 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, trong đó ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã tham gia kết nối không quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép; Có hệ thống thông tin đáp ứng tối thiểu theo yêu cầu về bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 4 theo quy định của pháp luật, yêu cầu về bảo đảm hoạt động liên tục, đảm bảo khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống kỹ thuật của tổ chức tham gia có thỏa thuận kết nối; có hệ thống máy chủ thực hiện theo quy định pháp luật và đáp ứng năng lực xử lý tối thiểu 25 triệu giao dịch thanh toán/ngày.	1. Chỉnh sửa cách diễn đạt cho rõ ràng, phù hợp 2. Sửa “10 triệu giao dịch thanh toán/ngày” thành “25 triệu giao dịch thanh toán/ngày” Lý do: Điều chỉnh quy định về năng lực xử lý tối thiểu từ 10 triệu lên 25 triệu giao dịch/ngày để đảm bảo phù hợp với quy mô phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trong thời gian qua.
30.	h) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ phải có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh	g) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ phải: Có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chuyển mạch tài chính còn	Lược bỏ đoạn “có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống thanh toán quốc tế để thực hiện chuyển mạch tài chính các giao dịch thanh toán

	toán chuyển mạch tài chính còn hiệu lực; được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; <i>có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống thanh toán quốc tế để thực hiện chuyển mạch tài chính các giao dịch thanh toán quốc tế; có quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế để nghị cấp phép</i> và tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế kết nối với tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế phải được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài.	hiệu lực; Được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; Tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế kết nối với tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế phải được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài.”.	<i>quốc tế; có quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế để nghị cấp phép</i> Lý do: - Phù hợp với Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP. - Để phù hợp với thực tế xử lý hồ sơ xin cấp Giấy phép của TGT
31.	3. Trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức được cấp phép phải cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường và chỉ được phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường sau khi triển khai hệ thống kỹ thuật đáp ứng quy định tại <i>điểm đ</i> khoản 2 Điều này, đáp ứng quy định tại <i>điểm g, điểm h</i> khoản 2 Điều này đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế.	“3. Trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức được cấp phép phải cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường và chỉ được phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường sau khi triển khai hệ thống kỹ thuật đáp ứng quy định tại <i>điểm d</i> khoản 2 Điều này, đáp ứng quy định tại <i>điểm e, điểm g</i> khoản 2 Điều này đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế.”.	Điều chỉnh dẫn chiếu để phù hợp với các điểm đã được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.
32.	Điều 23. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 2. Các bản sao hồ sơ, tài liệu phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.	Điều 23. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán “2. Các bản sao hồ sơ, tài liệu phải là <i>bản sao điện tử hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.</i> ”.	Bổ sung cụm từ “ <i>bản sao điện tử</i> ” Lý do: Để phù hợp với trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến
33.	4. Hồ sơ được gửi qua <i>đường bưu điện</i> (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc trực tuyến tại <i>Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.</i>	“4. Hồ sơ được gửi qua <i>dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật</i> hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.”	Sửa đổi cách thức nộp hồ sơ và bỏ thông tin “ <i>Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước</i> ” Lý do: Phù hợp với quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia

34.		<i>“6. Khi các loại giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ quy định tại Nghị định này đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.</i> <i>Khi thông tin lý lịch tư pháp của công dân Việt Nam, người nước ngoài đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thì Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, trường hợp không khai thác được, Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép để giải quyết thủ tục hành chính.”</i>	Bổ sung quy định về việc Cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các Cơ sở dữ liệu, đồng thời quy định cách thức yêu cầu cung cấp hồ sơ khi không khai thác được đầy đủ, chính xác. Lý do: Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và thúc đẩy chuyển đổi số trong cải cách hành chính, nhằm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết 66.7 của Chính phủ.
35.	Điều 24. Cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: c) Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này;	Điều 24. Cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: “c) Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức thông qua theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này;	Bổ sung cụm từ <i>“được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức thông qua”</i> Lý do: Chính sửa để đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định tại dự thảo Nghị định.
36.	d) Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật;	d) Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp Giấy phép được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức thông qua đáp ứng yêu cầu về bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật và phương án bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống thông tin;	Bổ sung đoạn <i>“phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp Giấy phép được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức thông qua đáp ứng yêu cầu về bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật và phương án bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống thông tin;”</i> Lý do: Để đảm bảo thống nhất với các quy định sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.
37.	đ) Hồ sơ về nhân sự: sơ yếu lý lịch theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định này, bản sao các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ trung	đ) Hồ sơ về nhân sự: <i>Sơ yếu lý lịch theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định này, bản sao các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi người đại diện theo pháp</i>	1. Bổ quy định <i>“Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán”;</i> Lý do: Để phù hợp với Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà

	gian thanh toán; phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo quy định của pháp luật (trước thời điểm nộp hồ sơ để nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng); văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhận chức vụ hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc);	luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhận chức vụ hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc); Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ để thay thế thành phần hồ sơ văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức đề nghị cấp Giấy phép bổ sung thành phần hồ sơ cần thiết để giải quyết thủ tục hành chính;”	nước Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP. 2. Bổ yêu cầu cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương thay bằng việc Cơ quan nhà nước chủ động và phối hợp khai thác thông tin trên các cơ sở dữ liệu. Lý do: Để phù hợp với quy định tại Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 (đã được sửa đổi, bổ sung); 3. Bổ sung quy định “Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm...” Lý do: Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và thúc đẩy chuyển đổi số trong cải cách hành chính, nhằm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết 66.7 của Chính phủ.
38.	e) Bản sao các tài liệu chứng minh tổ chức đề nghị cấp Giấy phép được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị tương đương; Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức; giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);	e) Bản sao các tài liệu chứng minh tổ chức đề nghị cấp Giấy phép được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức; giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có). Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư để thay thế thành phần hồ sơ giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức đề nghị cấp Giấy phép bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.”	1. Bổ quy định “giấy tờ có giá trị tương đương” Lý do: Để quy định rõ ràng hơn. 2. Bổ sung quy định về việc Cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu. Lý do: Quy định này nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và thúc đẩy chuyển đổi số trong cải cách hành chính, nhằm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 24/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 và thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định 2070/QĐ-TTg ngày 16/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
39.	g) Văn bản cam kết và tài liệu chứng minh của chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập của tổ chức về việc đảm bảo duy trì giá trị thực có của vốn điều lệ;	g) Bản sao tài liệu chứng minh của tổ chức về việc đảm bảo duy trì giá trị của vốn điều lệ, gồm: Báo cáo tài chính của tổ chức (đã được kiểm toán của năm liền trước năm nộp Hồ sơ) hoặc Giấy chứng nhận phần vốn góp hoặc sổ đăng	Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ tại điểm g) Lý do:

		<i>ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông của tổ chức hoặc danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có) hoặc Giấy nộp tiền ngân hàng chứng minh số vốn đã góp;</i>	- Để phù hợp với thực tiễn xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và quy định rõ ràng hơn để doanh nghiệp thực hiện. - Đảm bảo thống nhất tên các loại tài liệu, hồ sơ theo quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung).
40.	h) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử: phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này; văn bản thỏa thuận kết nối với các tổ chức tham gia, có nội dung cam kết không được kết nối quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử; tài liệu chứng minh cơ sở hạ tầng thông tin, hệ thống máy chủ đáp ứng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 22 Nghị định này;	h) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử: phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này; <i>bản sao</i> văn bản thỏa thuận kết nối với các tổ chức tham gia (ít nhất 50 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tổng vốn điều lệ trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chiếm trên 65% tổng vốn điều lệ của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống các tổ chức tín dụng và ít nhất 20 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán), có nội dung cam kết <i>đã tham gia kết nối không quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép; bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật đáp ứng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 22 Nghị định này;</i>	1. Bổ sung cụm từ “<i>bản sao</i>” Lý do: Bổ sung để đảm bảo phù hợp với thực tiễn xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTG và quy định rõ ràng hơn để doanh nghiệp thực hiện. 2. Chính sửa cách viết cho phù hợp, rõ ràng 3. Dẫn chiếu cụ thể nội dung quy định tại khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị định (sửa đổi điểm g khoản 2 Điều 22 của Nghị định 52/2024/NĐ-CP). Lý do: Để thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị định
41.	i) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế: <i>Quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn hệ thống thanh toán quốc tế để kết nối thực hiện chuyển mạch tài chính các giao dịch thanh toán quốc tế; quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ với các biện pháp quản lý rủi ro đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế đề nghị cấp phép; bản sao tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức thành lập hoặc đặt trụ sở chính cấp; phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này.</i>	i) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế: Bản sao tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức thành lập hoặc đặt trụ sở chính cấp; phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này.”.	Bãi bỏ thành phần hồ sơ “<i>Quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn hệ thống thanh toán quốc tế để kết nối thực hiện chuyển mạch tài chính các giao dịch thanh toán quốc tế; quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ với các biện pháp quản lý rủi ro đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế đề nghị cấp phép</i>” Lý do: - Để đơn giản thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, giảm giấy tờ, phù hợp với phương án đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 24/2026/NQ-CP.

42.	Điều 24. Cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 3. Quy trình, thủ tục cấp Giấy phép Trường hợp nộp hồ sơ được gửi qua <i>đường bưu điện</i> (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép gửi 02 bộ hồ sơ và 06 đĩa CD (hoặc 06 USB) lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều này. Căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ trên cơ sở các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này. a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ. Trường hợp thành phần hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đề nghị cấp Giấy phép không gửi lại hồ sơ hoặc hồ sơ bổ sung của tổ chức không đáp ứng thành phần thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức;	Điều 24. Cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán “3. Quy trình, thủ tục cấp Giấy phép Trường hợp nộp hồ sơ được gửi qua <i>dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật</i> hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép gửi 02 bộ hồ sơ và 06 USB lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều này. Căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ trên cơ sở các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này. a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ. Trường hợp thành phần hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đề nghị cấp Giấy phép không gửi lại hồ sơ (<i>trừ trường hợp có lý do xác đáng</i>) hoặc hồ sơ bổ sung của tổ chức không đáp ứng thành phần thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức;	1. Sửa đổi cách thức nộp hồ sơ Lý do: Phù hợp với quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. 2. Lược bỏ quy định về nộp đĩa CD Lý do: Phù hợp với sự phát triển của công nghệ và trên thực tế, hiện nay các đĩa CD hầu như không còn được sử dụng. 2. Bổ sung cụm từ “trừ trường hợp có lý do xác đáng” Lý do: - Để phù hợp với thực tiễn xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGT,; - Làm rõ hơn các trường hợp NHNN trả lại hồ sơ cho tổ chức, trong đó loại trừ trường hợp tổ chức có lý do xác đáng để tạo cơ hội cho doanh nghiệp khi nộp hồ sơ.
43.	b) Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại hồ sơ thì	b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ. <i>Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</i> Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức	1. Sửa đổi thời gian xử lý hồ sơ từ “90 ngày làm việc” thành “60 ngày” Lý do: - Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết TTHC, theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 24/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. - Sử dụng quy định “ngày” thay cho “ngày làm việc” theo quy định tại Khoản 3g Điều 18 Thông tư số

	Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức. Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời tổ chức, trong đó nêu rõ lý do;	không gửi lại hồ sơ (<i>trừ trường hợp có lý do xác đáng</i>) thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời <i>từ chối và trả hồ sơ cho tổ chức</i>, trong đó nêu rõ lý do;”.	26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 2. Bổ sung quy định cụ thể về trường hợp tổ chức được giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Lý do: Đề phù hợp với thực tiễn triển khai. 3. Bổ sung quy định <i>“từ chối và trả hồ sơ cho tổ chức”</i> Lý do: Việc NHNN thực hiện trả lại hồ sơ cho tổ chức trong trường hợp từ chối Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhằm tạo điều kiện và giảm TTHC cho doanh nghiệp không phải gửi văn bản xin rút lại hồ sơ đã gửi NHNN.
44.	<i>c) Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép được tự gửi bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tối đa 02 lần; thời gian nộp hồ sơ tự bổ sung, hoàn thiện của tổ chức tối đa không vượt quá 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ.</i>		Bãi bỏ quy định này Lý do: Tạo điều kiện cho tổ chức khi gửi hồ sơ tự rà soát, bổ sung đến NHNN, hỗ trợ doanh nghiệp khi thực hiện TTHC, trong đó không giới hạn số lần tổ chức được tự rà soát, bổ sung hồ sơ gửi NHNN.
45.	Điều 24. Cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 4. Quy trình, thủ tục triển khai hoạt động sau khi được cấp Giấy phép Tối thiểu 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường và không quá 06 tháng kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, tổ chức đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải thông báo và cung cấp tài liệu chứng minh cho Ngân hàng Nhà nước về việc: Hệ thống kỹ thuật đáp ứng điều kiện quy định tại <i>điểm đ</i> khoản 2 Điều 22 Nghị định này; bản sao Biên bản nghiệm thu kỹ thuật các dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép với một ngân hàng hợp tác đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử theo Mẫu số 10	Điều 24. Cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán “4. Quy trình, thủ tục triển khai hoạt động sau khi được cấp Giấy phép Tối thiểu 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường và không quá 06 tháng kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, tổ chức đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải thông báo và cung cấp tài liệu chứng minh cho Ngân hàng Nhà nước về việc: Hệ thống kỹ thuật đáp ứng điều kiện quy định tại <i>điểm đ</i> khoản 2 Điều 22 Nghị định này; bản sao Biên bản nghiệm thu kỹ thuật các dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép với một ngân hàng hợp tác đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định này; <i>tài liệu liên quan</i> đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc	1. Chính sửa dẫn chiếu. Lý do: Đảm bảo thống nhất với nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 24 và khoản 1 Điều 27 Nghị định 52. 2. Bổ sung quy định về <i>“trường hợp tổ chức thay đổi giải pháp kỹ thuật đã nêu tại điểm d, điểm h khoản 2 Điều 24 Nghị định này thì tổ chức phải thông báo và cung cấp Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật mới/thay đổi đến Ngân hàng Nhà nước tối thiểu 60 ngày trước ngày dự kiến cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường để Ngân hàng Nhà nước đánh giá”</i> Lý do: Phù hợp với thực tiễn kiểm tra hoạt động cung ứng dịch vụ TGTТ trước khi tổ chức cung ứng dịch vụ chính thức ra thị trường.

	ban hành kèm theo Nghị định này; tài liệu <i>chứng minh được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên</i> liên quan đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế đáp ứng điều kiện quy định tại điểm g, điểm h khoản 2 Điều 22 Nghị định này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, tài liệu, Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm tra thực tế tại tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và có văn bản thông báo về việc đáp ứng hoặc không đáp ứng quy định tại điểm d, điểm g, điểm h khoản 2 Điều 22 Nghị định này. Trường hợp không đáp ứng, Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 27 Nghị định này.	tế đáp ứng điều kiện quy định tại tại điểm e, điểm g khoản 2 Điều 22 Nghị định này. <i>Trường hợp tổ chức thay đổi giải pháp kỹ thuật đã nêu tại điểm d, điểm h khoản 2 Điều 24 Nghị định này thì tổ chức phải thông báo và cung cấp Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật mới/thay đổi đến Ngân hàng Nhà nước tối thiểu 60 ngày trước ngày dự kiến cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường để Ngân hàng Nhà nước đánh giá.</i> Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, tài liệu, Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm tra thực tế tại tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và có văn bản thông báo về việc đáp ứng hoặc không đáp ứng quy định tại điểm d, điểm e, điểm g khoản 2 Điều 22 Nghị định này. Trường hợp không đáp ứng, Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định này.”.	3. Lược bỏ đoạn quy định về tài liệu “<i>chứng minh được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên</i>” Lý do: Nội dung này thực tế đã được quy định trong các điều khoản trích dẫn tại “điểm e khoản 2 Điều 22 Nghị định này”. 4. Chính sửa dẫn chiếu phù hợp với các nội dung sửa đổi ở trên.
46.	Điều 25. Cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ngân hàng Nhà nước cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong các trường hợp sau: 1. Hết thời hạn Giấy phép Tối thiểu 60 ngày trước ngày hết thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải gửi Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ được gửi qua <i>đường bưu điện</i> (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép gồm: đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định này, <i>báo cáo tình hình thực hiện hoạt động theo Giấy phép kể từ ngày được cấp Giấy phép đến ngày nộp đơn đề nghị cấp lại Giấy phép và bản sao</i>	Điều 25. Cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ngân hàng Nhà nước cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong các trường hợp sau: “1. Hết thời hạn Giấy phép a) Tối thiểu 90 ngày trước ngày hết thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải gửi Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước <i>theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này</i>. Trường hợp hồ sơ được gửi qua <i>dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật</i> hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi 02 bộ hồ sơ và 06 USB lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ đề nghị cấp lại Giấy phép tới Ngân hàng Nhà nước, gồm: a.1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định này; a.2) Tài liệu quy định tại điểm d, điểm g khoản 2 Điều 24 Nghị định này; tài liệu phục vụ cho hoạt động cung ứng	1. Chính sửa thời gian từ “60 ngày” thành “90 ngày” Lý do: Để tạo điều kiện cho tổ chức cung ứng dịch vụ TGT có thời gian chuẩn bị hồ sơ cấp lại Giấy phép đảm bảo đầy đủ theo các quy định. 2. Sửa đổi cách thức nộp hồ sơ Lý do: Phù hợp với quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. 3. Sửa “03 bộ hồ sơ” thành “02 bộ hồ sơ và 06 USB” Lý do: Nhằm đơn giản hóa TTHC, cắt giảm số lượng hồ sơ bản cứng, giảm khối lượng hồ sơ phải nộp cho doanh nghiệp phải in ấn. 4. Lược bỏ hồ sơ “<i>báo cáo tình hình thực hiện hoạt động theo Giấy phép kể từ ngày được cấp Giấy phép đến ngày nộp đơn đề nghị cấp lại Giấy phép và bản sao Giấy phép đang có hiệu lực tới Ngân hàng Nhà nước</i>”

	<i>Giấy phép đang có hiệu lực tới Ngân hàng Nhà nước.</i>	<i>dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định này.</i>	Lý do: Nhằm thực hiện cắt giảm số lượng hồ sơ phải nộp khi doanh nghiệp gửi Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép, phù hợp với thực tiễn triển khai, cắt giảm chi phí thực hiện cho tổ chức khi thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép và nhằm đơn giản hóa TTHC theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 24/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 4. Bổ sung quy định “a.2) Tài liệu quy định tại điểm đ, điểm g khoản 2 Điều 24 Nghị định này; tài liệu phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định này.” Lý do: Quy định cụ thể về các tài liệu chứng minh việc duy trì các điều kiện cung ứng dịch vụ TGTT, nhằm tạo điều kiện thuận tiện hơn cho tổ chức trong việc chứng minh việc duy trì đủ các điều kiện cung ứng dịch vụ TGTT khi nộp Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép, đơn giản hóa TTHC theo chủ trương của Chính phủ. Hiện nay, Phụ lục số 11 Nghị định số 52 về Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT quy định “<i>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép vì hết thời hạn Giấy phép, Tổ chức cung cấp tài liệu chứng minh việc duy trì các điều kiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép tại thời điểm gửi đơn đề nghị cấp lại Giấy phép đến NHNN</i>”. Do chưa có hướng dẫn cụ thể về “tài liệu chứng minh việc duy trì các điều kiện cung ứng dịch vụ TGTT”, nên các tổ chức hiểu rằng khi hết hạn Giấy phép, tổ chức sẽ phải nộp 01 bộ hồ sơ giống như đề nghị cấp Giấy phép mới; gây một số khó khăn, vướng mắc như: (i) Tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép phải nộp nhiều tài liệu (như cấp mới Giấy phép) trong khi đây là các tổ chức đang thực hiện cung ứng dịch vụ TGTT trong thực tiễn; một số tài liệu trong Hồ sơ cấp mới được quy định phù hợp
--	--	---	--

			với tổ chức đang xin cấp phép (như Đề án, bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật,...), không thực sự phù hợp với tổ chức đã thực hiện cung ứng dịch vụ TGT trên thị trường; (ii) Thời gian xử lý hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định tương đối ngắn so với thời gian xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép mới.
47.	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp lại Giấy phép hoặc có văn bản thông báo từ chối trong đó nêu rõ lý do; Thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép là 10 năm tính từ ngày tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cấp lại Giấy phép.	<i>b) Quy trình thực hiện:</i> <i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ. Trường hợp thành phần hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</i> <i>Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép không gửi lại hồ sơ (trừ trường hợp có lý do xác đáng) hoặc hồ sơ bổ sung của tổ chức không đáp ứng thành phần thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.</i> <i>Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định Hồ sơ.</i> <i>Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</i> <i>Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại hồ sơ (trừ trường hợp có lý do xác đáng) thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.</i> <i>Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp lại Giấy phép hoặc có văn bản thông báo từ chối và trả lại hồ sơ cho tổ chức, trong đó nêu rõ lý do.</i> Thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép là 10 năm.	1. Chính sửa, bổ sung chi tiết về quy trình xử lý hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép, để đảm bảo phù hợp với thực tế xử lý hồ sơ; tạo thuận lợi cho tổ chức để dàng thực hiện. 2. Chính sửa, bổ sung theo hướng cho phép tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép được bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trường hợp trả lại hồ sơ của tổ chức, đảm bảo phù hợp với thực tế xử lý hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép. 3. Sửa cụm từ “30 ngày làm việc” thành “22 ngày làm việc” Lý do: Nhằm rút ngắn thời gian giải quyết TTHC đối với doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 24/2026/NQ-CP.

48.		c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước về việc từ chối cấp lại Giấy phép, tổ chức không được cấp lại Giấy phép phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng. Việc hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên liên quan được thực hiện theo quy định pháp luật. Khi tổ chức không được cấp lại Giấy phép đã hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên theo quy định của pháp luật, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo từ chối cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho tổ chức, tổ chức được đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định tại Điều 22 Nghị định này. Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định này.”.	Bổ sung quy định điểm này Lý do: Để có quy định cụ thể xử lý đối với các tổ chức không được cấp lại Giấy phép, đảm bảo phù hợp với thực tế triển khai.
49.	Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 1. Trường hợp thay đổi một trong các nội dung quy định trong Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sau: tên tổ chức, địa điểm đặt trụ sở chính, ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép, <i>kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế</i>: a) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép gồm: đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định này; <i>bản sao Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán còn hiệu lực; bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thay đổi tên doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); báo cáo tình hình thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kể từ ngày được cấp Giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép.</i>	“Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 1. Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong các trường hợp: a) Trường hợp có nhu cầu thay đổi một hoặc một số nội dung quy định trong Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (bao gồm các trường hợp thay đổi do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định): tên tổ chức, mã số doanh nghiệp, địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định này và bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thay đổi các thông tin về doanh nghiệp. <i>Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành để thay thế thành phần hồ sơ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thay đổi các thông tin về doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu</i>	1. Sửa đổi một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn triển khai, làm rõ các trường hợp cần sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTG khi doanh nghiệp có nhu cầu. 2. Bỏ “<i>bản sao Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán còn hiệu lực; bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thay đổi tên doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); báo cáo tình hình thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kể từ ngày được cấp Giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép</i>”; đồng thời bổ sung quy định về việc <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu...</i> Lý do: Để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	Trường hợp đề nghị kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế bổ sung thêm các tài liệu quy định tại điểm i khoản 2 Điều 24 Nghị định này;	<i>tổ chức đề nghị cấp Giấy phép bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính;</i>	
50.	b) Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời tổ chức trong đó nêu rõ lý do; c) Thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép sửa đổi, bổ sung không vượt quá thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; d) Đối với dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị ngừng cung cấp, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải ngừng cung cấp dịch vụ sau khi Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép và trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng và hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên liên quan theo quy định của pháp luật.	<i>b) Trường hợp ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải có Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định này</i> <i>c) Đối với tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, trường hợp kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải có Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định này và các tài liệu quy định tại điểm i khoản 2 Điều 24 Nghị định này.</i> <i>2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép, trường hợp thành phần hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;</i> <i>Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho tổ chức. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời tổ chức trong đó nêu rõ lý do;</i> <i>3. Thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép sửa đổi, bổ sung không vượt quá thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;</i> <i>4. Đối với dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị ngừng cung cấp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải ngừng cung cấp dịch vụ sau khi Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép và trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy</i>	Bổ sung việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong trường hợp: ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép, kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế” và bổ sung quy trình, thời gian cụ thể đối với quá trình xử lý hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép tại khoản 2 Điều này. Lý do: - Cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính trong trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép từ 30 ngày xuống còn 22 ngày làm việc. - Để đảm bảo bao quát thêm các trường hợp, phù hợp với thực tế xử lý. - Thiết kế quy định thống nhất về quy trình thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép tương ứng với các thủ tục hành chính khác về dịch vụ TGTT.

		phép, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng. Việc hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật.	
51.	2. Trường hợp thay đổi một trong các nội dung sau: người đại diện theo pháp luật, thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của chủ sở hữu; thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhưng phải gửi thông báo cho Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản và tài liệu chứng minh các thông tin liên quan (nếu có) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có các thay đổi nêu trên.	5. Trường hợp thay đổi một trong các nội dung sau: người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của chủ sở hữu; tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải gửi thông báo cho Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản và tài liệu chứng minh các thông tin liên quan (nếu có) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có các thay đổi nêu trên. ”.	Bỏ đoạn “ <i>thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp</i> ” và sửa đổi, bổ sung về việc gửi thông báo cho NHNN Lý do: - Thực hiện cắt giảm TTHC trong trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 24/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. - Sửa đổi một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn triển khai.
52.	Điều 27. Thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 1. Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện thu hồi Giấy phép một trong các trường hợp sau đây: <i>a) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;</i>	Điều 27. Thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 1. Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện thu hồi Giấy phép một trong các trường hợp sau đây: <i>a) Bãi bỏ điểm a khoản 1.</i>	Bãi bỏ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định 52 Lý do: Trong trường hợp này Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT đồng thời hết hiệu lực.
53.	Điều 27. Thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 1. Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện thu hồi Giấy phép một trong các trường hợp sau đây: g) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phát hiện trong thời hạn 06 tháng liên tục, tổ chức không thực hiện hoạt động cung ứng	Điều 27. Thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 1. Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện thu hồi Giấy phép một trong các trường hợp sau đây: “g) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phát hiện một trong các trường hợp sau: g.1) Trong thời hạn 06 tháng liên tục, tổ chức không thực hiện hoạt động cung ứng tất cả các dịch vụ trung gian	1. Sửa đổi điểm g Lý do: - Sửa đổi, bổ sung các hành vi/trường hợp thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT, phù hợp với thực tiễn triển khai (<i>cụ thể bổ sung việc thu hồi Giấy phép nếu tổ chức TGTT không khắc phục các kết luận kiểm tra, thanh tra, không thực hiện định danh vi điện tử theo quy định...</i>); - Chính sửa đảm bảo phù hợp với quy định về thu hồi một phần các dịch vụ TGTT quy định đã sửa đổi, bổ sung tại Điều 27a dự thảo Nghị định.

	dịch vụ trung gian thanh toán được cấp phép cho khách hàng;	<i>thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép ra thị trường cho khách hàng;</i> <i>g.2) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không hoàn thành khắc phục kiến nghị thanh tra, kiểm tra liên quan đến các dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép trong thời gian quy định theo kết luận thanh tra, kết luận kiểm tra mà không có lý do xác đáng;</i> <i>g.3) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tái phạm việc báo cáo không trung thực đối với các dịch vụ trung gian thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép."</i>	2. Bổ sung quy định tại điểm g.3) trên cơ sở chỉnh sửa quy định tại điểm h) Khoản 1 Điều này. Lý do: Để phù hợp với việc thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGT trong trường hợp doanh nghiệp báo cáo không trung thực đối với các dịch vụ trung gian thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép (không chỉ dịch vụ ví điện tử)
54.	<i>h) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tái phạm việc báo cáo không trung thực số dư, số lượng ví điện tử theo quy định.</i>	Bãi bỏ điểm h khoản 1.	Bỏ quy định này Lý do: Nội dung này đã được điều chỉnh nội dung tại điểm g.3) khoản 1 Điều này cho phù hợp với thực tế quản lý.
55.	2. Quy trình, thủ tục thu hồi Giấy phép <i>a) Trường hợp tổ chức bị giải thể hoặc phá sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức có đơn đề nghị thu hồi Giấy phép theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua Quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc ngày nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về phá sản. Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước ra Quyết định thu hồi Giấy phép.</i> Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận được đơn đề nghị thu hồi Giấy phép do chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép. Sau 20 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điểm c, điểm	2. Quy trình, thủ tục thu hồi Giấy phép Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận được đơn đề nghị thu hồi Giấy phép do chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép. Sau 20 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép.	Lược bỏ quy định "a) Trường hợp tổ chức bị giải thể hoặc phá sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức có đơn đề nghị thu hồi Giấy phép theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua Quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc ngày nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về phá sản. Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước ra Quyết định thu hồi Giấy phép." Lý do: Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ TGT giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật thì Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGT của tổ chức sẽ đồng thời hết hiệu lực,

	d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép.		
56.		5. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau: “4. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật, Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức hết hiệu lực kể từ ngày tổ chức giải thể hoặc phá sản”.	Bổ sung quy định này. Lý do: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 96 Bộ luật Dân sự, pháp nhân chấm dứt tồn tại khi bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản. Như vậy, khi có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án, pháp nhân đã chấm dứt tồn tại.
57.		“Điều 27a. Thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép 1. Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép trong các trường hợp sau đây: a) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phát hiện tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không hoàn thành khắc phục kiến nghị thanh tra, kiểm tra liên quan đến một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép trong thời gian quy định theo kết luận thanh tra, kết luận kiểm tra mà không có lý do xác đáng; b) Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán vi phạm quy định liên quan đến một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép mà không có lý do xác đáng, cụ thể như sau: b.1) Tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử không thực hiện thu thập, kiểm tra các tài liệu, thông tin, dữ liệu xác minh thông tin nhận biết khách hàng, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ ví điện tử (đối với khách hàng cá nhân), người đại diện hợp pháp (đối với khách hàng tổ chức) theo quy định; không đảm bảo duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được cấp Giấy phép đối với 01 dịch vụ ví điện tử vi phạm quy định tại điểm b.1, Ngân hàng Nhà nước thực hiện quy trình, thủ tục thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này;	Bổ sung quy định Điều 27a. Lý do: Để quy định rõ việc thu hồi hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép, để giải quyết các vấn đề phát sinh, phù hợp với thực tiễn triển khai, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT.

b.2) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tái phạm việc báo cáo không trung thực đối với một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép mà không có lý do xác đáng.

2. Quy trình, thủ tục thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép

Khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép và ra thông báo đề nghị tổ chức giải trình.

Sau 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước ra thông báo nhưng tổ chức được cấp Giấy phép không có văn bản giải trình hoặc nội dung giải trình không xác đáng, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép theo mẫu số 16a đính kèm Nghị định này.

3. Ngay khi nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải lập tức ngừng cung ứng một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã bị thu hồi.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép, tổ chức trung gian thanh toán phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng đối với một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã bị thu hồi. Việc hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên liên quan được thực hiện theo quy định pháp luật.

Khi tổ chức trung gian thanh toán đã hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên theo quy định của pháp luật, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày tổ chức trung gian thanh toán bị thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức trung gian thanh toán được đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đối với một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã bị thu hồi theo quy định tại Điều 22 Nghị định này. Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định này.”

58.	Điều 28. Trách nhiệm phối hợp cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 1. Trách nhiệm phối hợp trong quá trình thẩm định a) Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Công an và các cơ quan liên quan về việc tuân thủ quy định pháp luật liên quan của tổ chức và người đại diện theo pháp luật của tổ chức trong thời gian hoạt động trước khi được xem xét cấp, cấp lại, <i>sửa đổi, bổ sung</i> và thu hồi Giấy phép theo quy định tại Điều 24, khoản 1 Điều 25, <i>khoản 1 Điều 26, điểm d, điểm g khoản 1 Điều 27</i> Nghị định này; b) Trong thời hạn <i>15</i> ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các bộ, cơ quan liên quan tại điểm a khoản này có ý kiến bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước; c) Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp, cấp lại, <i>sửa đổi, bổ sung và thu hồi</i> Giấy phép trên cơ sở hồ sơ và ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan.	Điều 28. Trách nhiệm phối hợp cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán “1. Trách nhiệm phối hợp trong quá trình thẩm định a) Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Công an và các cơ quan liên quan về việc tuân thủ quy định pháp luật liên quan của tổ chức và người đại diện theo pháp luật của tổ chức trong thời gian hoạt động trước khi được xem xét cấp, cấp lại Giấy phép <i>đối với các trường hợp</i> quy định tại Điều 24, khoản 1 Điều 25 Nghị định này và <i>các trường hợp khác (trong trường hợp cần thiết);</i> b) Trong thời hạn <i>10</i> ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các bộ, cơ quan liên quan tại điểm a khoản này có ý kiến bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước; c) Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp, cấp lại và <i>xử lý theo quy định</i> Giấy phép trên cơ sở hồ sơ và ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan.	1. Chính sửa các trường hợp xin ý kiến Bộ Công an và các cơ quan liên quan. Lý do: Nhằm Đơn giản hóa quy trình giải quyết TTHC liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT, phù hợp với thực tiễn triển khai và giảm tải công việc đối với đơn vị phối hợp. 2. Điều chỉnh “15 ngày làm việc” thành “10 ngày làm việc” Lý do: Rút ngắn thời gian xin ý kiến Bộ Công an, để đảm bảo phù hợp với việc rút ngắn tổng thời gian giải quyết các TTHC về trung gian thanh toán (Theo Nghị quyết 24, thời gian xử lý hiện nay đang được cắt giảm từ 90 ngày làm việc thành 60 ngày)
59.		Điều 18 tại dự thảo Nghị định. Thay thế, bổ sung, thay thế cụm từ mẫu phụ lục	Điều chỉnh để thống nhất trong dự thảo Nghị định
		1. Thay thế các Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP bằng các Mẫu tương ứng theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: Mẫu số 01, mẫu số 07, mẫu số 08, mẫu số 10, mẫu số 11, mẫu số 12, mẫu số 13, mẫu số 14, mẫu số 16. 2. Bổ sung Mẫu số 16a vào sau Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Thay thế cụm từ “(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)” bằng cụm từ “(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số, ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)” tại Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 05, Mẫu số 15.	

60.	Điều 37. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. 2. Nghị định này thay thế cho Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và bãi bỏ Điều 3 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước.	Điều 19 tại dự thảo Nghị định. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026	
61.		Điều 20 tại dự thảo Nghị định. Điều khoản chuyển tiếp 1. Hồ sơ đề nghị mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó. 2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận, gia hạn, thu hồi văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó. 3. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó.	Bổ sung quy định điều khoản chuyển tiếp tại Dự thảo Nghị định Lý do: Đảm bảo việc thực thi pháp luật có hiệu quả, đảm bảo hiệu quả triển khai khi dự thảo Nghị định có hiệu lực thi hành.

62.	Điều 38. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	Điều 21 tại dự thảo Nghị định. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	
	PHỤ LỤC	PHỤ LỤC	
63.		<i>Thay thế các Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP bằng các Mẫu tương ứng theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: Mẫu số 01, mẫu số 07, mẫu số 08, mẫu số 10, mẫu số 11, mẫu số 12, mẫu số 13, mẫu số 14, mẫu số 16.</i>	- Mẫu số 01 bổ sung thông tin về Quyết định bổ nhiệm, thời hạn bổ nhiệm, văn bản ủy quyền, thời hạn ủy quyền của những người đăng ký mẫu chữ ký tại NHNN. - Mẫu số 07 bổ sung một số yêu cầu tổ chức phải cam kết thay vì quy định điều kiện tại điểm d Khoản 2 Điều 22 Nghị định 52. - Mẫu số 08 bổ sung quy định về việc lập, sử dụng, bảo quản, lưu trữ chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng; Bổ sung quy định áp dụng đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế phục vụ mô hình kết nối thanh toán bán lẻ song phương giữa Việt Nam với một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, là nội dung tổ chức đề nghị cấp Giấy phép dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế tại Việt Nam phải cam kết, trình bày tại Đề án xin cấp phép gửi Ngân hàng Nhà nước, để đảm bảo phù hợp với thực tiễn triển khai mô hình kết nối thanh toán bán lẻ song phương hiện nay. - Mẫu số 10, sửa đổi chức danh người ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật - Mẫu số 11, bổ sung mục 7 về Tài liệu chứng minh việc duy trì các điều kiện kỹ thuật để cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép tại thời điểm gửi đơn đề nghị cấp lại Giấy phép đến Ngân hàng Nhà nước

			- Mẫu số 12, chỉnh sửa, bổ sung nội dung Thay đổi mã số doanh nghiệp - Mẫu số 13, Mẫu số 14, sửa đổi để phù hợp với phương án phân cấp thực hiện TTHC tại NHNN - Mẫu số 16, chỉnh sửa, bổ sung nội dung theo nội dung sửa đổi tại Điều 27
64.		<i>Thay thế cụm từ "(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)" bằng cụm từ "(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; hoặc ký số, ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)" tại Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 05, Mẫu số 15.</i>	Sửa đổi để phù hợp với việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử
65.		<i>Bổ sung Mẫu số 16a vào sau Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định này.</i>	- Bổ sung Mẫu số 16a. Quyết định về việc thu hồi một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán để phù hợp với việc bổ sung quy định tại Điều 27a dự thảo Nghị định,

✓